

Bản án số: 64/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 06-05-2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THƯỚC TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Thanh Hợi

Ông Nguyễn Văn Đàn

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Cao Thị Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước tham gia phiên tòa:* Bà Nhữ Thị Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 05 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2020/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 về: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 04 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trương Công L - sinh năm: 1991

HKTT: Thôn Quang Trung, xã Lương Trung, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt. (Có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 22/04/2020).

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị Ch - Sinh năm: 1991

HKTT: Thôn Rằm Tám, xã Điền Trung, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt. (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt ngày 28/02/2020).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 21/02/2020 anh Trương Công L trình bày: Anh và chị Lê Thị Ch tự do yêu đương tìm hiểu, tiến hành tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương. Đăng ký kết hôn tại UBND xã Lương Trung, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá vào ngày 25/02/2010. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc, anh ở rể và chuyển khẩu ra nhà ngoại sinh sống. Do kinh tế khó khăn anh đi làm trong miền nam, chị Ch ở nhà nuôi con, anh vẫn liên hệ cung cấp tiền nuôi vợ con, tết anh về thăm nhà. Tháng 9/2014 anh quay về thì gia đình bên vợ đã chuyển khẩu anh về xã Lương Trung và không đồng ý cho anh làm rể nữa. Từ đó đến nay anh đã cố gắng hàn gắn nhưng vợ và gia đình bên ngoại không cho anh cơ hội. Anh không biết lý do gì mà vợ anh không quay lại với anh. Nay anh xét thấy vợ chồng không cùng chung sống, không có tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn chị Ch.

Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trương Công Thành, sinh ngày 25/10/2011. Hiện nay cháu Thành đang ở với chị Ch và bà ngoại. Ly hôn,

anh có nguyện vọng để chị Ch tiếp tục nuôi con. Anh không cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Chị Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 28/02/2020 chị Lê Thị Ch trình bày: Chị với anh Trương Công L kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Lương Trung, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá vào ngày 25/02/2010. Vợ chồng hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh L và gia đình anh L coi thường chị và đã nhiều lần xúc phạm danh dự nhân phẩm của chị. Gia đình nhà chồng không thừa nhận con chị đẻ ra là cháu của họ. Vợ chồng không thể thông cảm và chia sẻ được với nhau. Vì vậy, vợ chồng đã sống ly thân nhau, không ai quan tâm tới ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh L làm đơn ly hôn chị, chị cũng nhất trí ly hôn anh L.

- Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trương Công Thành, sinh ngày 25/10/2011. Từ khi sinh ra cháu đã ở với chị và khi vợ chồng ly thân nhau cháu ở với chị và mẹ chị. Nguyên vọng của chị là xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Công Thành và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản: Vợ chồng chị không có tài sản gì chung nên chị Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho các bên đương sự nhưng chị Ch không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho chị Ch. Anh L đề nghị không tiến hành hoà giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Do công việc, anh L và chị Ch không thể có mặt để tham gia phiên tòa được nên anh L và chị Ch đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 điều 228 BLTTDS Tòa án xét xử vắng mặt anh L và chị Ch.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Tòa án đã tuân thủ đúng quy định về trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX áp dụng điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho anh Luân được ly hôn chị Ch. Về con cái giao cháu Trương Công Thành, sinh ngày 25/10/2011 cho chị Ch được trực tiếp nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Anh Trương Công L và chị Lê Thị Ch kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 25/02/2010 tại xã UBND xã Lương Trung, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá và không vi phạm các điều 9, 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 điều 28 BLTTDS. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, luôn bất đồng quan

điểm. Hai bên gia đình thông gia có sự bất hòa, không có tiếng nói chung. Vợ chồng không có sự thông cảm chia sẻ được với nhau trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Vợ chồng không thể khắc phục được nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vì vậy, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2013 đến nay, không ai quan tâm tới ai, mạnh ai người đó sống. Cả anh L và chị Ch đều có nguyện vọng ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ điều 55 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Trương Công L và chị Lê Thị Ch được ly hôn để giải phóng cho nhau là cần thiết và phù hợp pháp luật.

[2] Về con cái: Anh L và chị Ch có 01 con chung là cháu Trương Công Thành, sinh ngày 25/10/2011. Từ khi sinh ra cháu đã ở với chị và khi vợ chồng ly thân nhau cháu ở với chị và mẹ chị. Xét thấy, từ trước đến nay cháu Thành do chị Ch và mẹ chị Ch trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và chị Ch hoàn toàn có thể đảm bảo mọi mặt để cháu Thành phát triển tốt. Chị Ch có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thành và bản thân cháu Thành cũng có nguyện vọng được ở với chị Ch. Để đảm bảo khả năng phát triển bình thường và điều kiện học hành ổn định cho con trẻ, tránh sự xáo trộn trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày của cháu. Nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị Ch và anh L tiếp tục giao cháu Trương Công Thành cho chị Ch trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế, nguyện vọng của các bên và các quy định của pháp luật. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, chị Ch không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng tiền nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản: Anh L và chị Ch không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[4] Về án phí: Anh L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 điều 28, khoản 4 điều 207, khoản 1 điều 227, điều 228, điều 238, khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho anh Trương Công L được ly hôn chị Lê Thị Ch.

Về con cái: Giao cháu Trương Công Thành, sinh ngày 25/10/2011 cho chị Ch được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi thành niên. Anh L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh L có quyền đi lại trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Anh Trương Công L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm anh L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bá Thước, theo biên lai số AA/2018/0005234 ngày 20/02/2020. Anh L đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt anh Trương Công L và chị Lê Thị Ch. Anh L và chị Ch có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Bá Thước;
- Các đương sự;
- UBND xã Lương Trung, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Hùng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Thanh Hối

Nguyễn Văn Đàn

Phạm Văn Hùng

